TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: **24**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-10-2020
V/v: tranh chấp Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Kim Thảo**

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: **Bà Lê Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020 , tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị A**, sinh năm 1993 (có mặt|)

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn B**, sinh năm 1987 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Thôn BL, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 01 tháng 9 năm 20210. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B

thường hay đi đánh bài không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không có tiếng nói chung. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 01 người con chung là Nguyễn Tấn C, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 7 năm 2020, bị đơn ông ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị A tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 01 tháng 9 năm 2010. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B thường hay đi nhậu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau .Hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông B không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà A. Ông B có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên, nếu bà A vẫn cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 01 người con chung là Nguyễn Tấn C, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010. Đối với con chung ông B muốn được theo nguyện vọng của cháu C.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông B không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 7 năm 2020, cháu Nguyễn Tấn C trình bày:

Đối với việc bố, mẹ cháu là bà A và ông B có mâu thuẫn như thế nào thì cháu C không biết rõ, cháu chỉ thấy bố mẹ cháu thường hay cãi nhau và ông B có đánh bà A. Khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bà A (mẹ ruột), vì bà A quan tâm và chăm sóc cháu hơn ông ông B (ba ruột cháu). Việc cháu C có nguyện vọng được sống cùng với bà A là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :***

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm

bảo quyền lợi của các đương sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn B vẫn vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu bà Hương cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn C, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp *"Ly hôn"* do bà Nguyễn Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Nguyễn Văn B cư trú tại Thôn Bình Lợi, xã Phước Minh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A cho thấy, bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký

kết hôn tại UBND xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 01 tháng 9 năm 2010. Do đó, quan hệ hôn nhân này được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng ông bà có hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B thường hay đi nhậu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại phiên tòa, bà A cho rằng bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống chung trở nên căng thẳng. Mặc dù. Tại phiên tòa không có mặt ông B nhưng bà A vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với ông B. Cho thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tấn C, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tài cho đến khi đủ 18 tuổi. Về phía cháu C cũng có lời khai và nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao cháu C cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tA vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về tranh chấp "ly hôn"

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Tấn C, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 cho bà Nguyễn Thị A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019223, Quyển số 000385 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- CC THA DS huyện Bù Gia Mập;
- Bà A; ông B
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Văn Phú Vinh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bù Gia Mập, ngày 23 tháng 10 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập;

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa; bà Nguyễn Thị Kim Thảo**

Đã tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2020/TLST-HN&GĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thảo luận từng nội dung của vụ án và thống nhất biểu quyết 3/3 quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tA vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về tranh chấp "ly hôn"

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Tấn Tài, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2010 cho bà Nguyễn Thị A tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019223, Quyển số 000385 ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Buổi nghị án kết thúc hồi 09 giờ 15 cùng ngày. Các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**